

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18-9-2020

V/v ly hôn giữa anh A chị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Giáp Văn A, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện LN, tỉnh BG.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện LN, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 16/04/2020 cùng các lời khai, nguyên đơn anh Giáp Văn A trình bày như sau: Anh kết hôn với chị Vũ Thị T ngày 10/12/2001 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện LN, tỉnh BG. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và tự nguyện lấy nhau. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh A tại thôn M, xã Y, huyện LN, tỉnh BG, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến tháng 08/2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có chung quan điểm sống. Vợ chồng anh sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 08/2015 đến nay. Anh A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Giáp Thị D sinh ngày 02/09/2002 và Giáp Văn V, sinh ngày 29/6/2007, nay ly hôn anh tôn trọng ý kiến của các con, nếu con anh nguyện vọng muốn ở với anh hay vợ anh đều nhất

trí. Cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh A thay đổi ý kiến, anh A trình bày anh và chị T lấy nhau theo phong tục tập quán ngày 10/12/2001 chứ không đăng ký kết hôn như anh A đã trình bày, lý do khi đó anh A không đăng ký là vì anh A khi đó chưa đủ tuổi kết hôn, nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị T. Về con chung, anh A xác định cháu Giáp Thị D, sinh ngày 02/9/2002 đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh phát triển bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu D.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2020 bị đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về thời điểm kết hôn và đăng ký kết hôn như anh A trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như anh A trình bày là không đúng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A có quan hệ bất chính với người con gái khác nên làm đơn ly hôn với chị. Nay anh A làm đơn xin ly hôn chị xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mục đích hôn nhân còn đạt được chị xin đoàn tụ. Nếu anh A kiên quyết xin ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Về con chung như anh A trình bày chị T xác nhận là đúng. Trong trường hợp anh A nhất quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi 02 con chung của hai vợ chồng và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định chị và anh A có lấy nhau theo phong tục tập quán năm 2001, đến năm 2002 khi anh A đủ tuổi thì hai vợ chồng có đi đăng ký kết hôn, tuy nhiên hiện nay giấy đăng ký kết hôn chị không còn lưu giữ được. Về con chung, chị T xác định cháu Giáp Thị D, sinh ngày 02/09/2002, hiện cháu D đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu Duyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự anh A, chị T chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11, 13, 85, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận anh Giáp Văn A và chị Vũ Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Giao chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Giáp Văn V, sinh ngày 29/6/2007. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh

A có quyền thăm nom con chung sau ly hôn.

Về tài sản, canh nợ, ruộng canh tác: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đơn khởi kiện của anh Giáp Văn A và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Anh A và chị T đều có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã Y, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, nên căn cứ vào Điều 36 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Giáp Văn A kết hôn với chị Vũ Thị T ngày 12/10/2001 theo phong tục tập quán, không đi đăng ký kết hôn. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận. Tại phiên tòa chị T khai có đăng ký kết hôn tuy nhiên không có căn cứ để chứng minh. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại xã Yên Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 08/2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 08/2015 đến nay. Phía anh A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị T. Phía chị T không đồng ý ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T cũng thừa nhận hiện vợ chồng chị có mâu thuẫn và vợ chồng chị T đang sống ly thân. Đối với yêu cầu của anh A, HĐXX thấy: Qua xác minh tại địa phương thì hiện sổ sách đăng ký kết hôn của UBND xã Yên Sơn không còn lưu trữ, bản thân chị T cũng không đưa ra căn cứ chứng minh được chị T và anh A có đăng ký kết hôn, do đó không có căn cứ để xác định anh A và chị T có đăng ký kết hôn, thực tế thì anh A và chị T cũng có mâu thuẫn nên căn cứ Điều 11, 13, 85, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000. Xử không công nhận vợ chồng giữa anh Giáp Văn A và chị Vũ Thị T.

[3] *Về con chung*: Anh Giáp Văn A và chị Vũ Thị T có 02 con chung là Giáp Thị D sinh ngày 02/09/2002 và Giáp Văn V, sinh ngày 29/6/2007. Quá trình giải quyết vụ án anh A, chị T đều có nguyện vọng được nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay, anh A và chị T xác định cháu Giáp Thị D đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung đối với cháu Duyên. Anh A đồng ý để chị T nuôi con chung của hai vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Nên HĐXX thấy cần căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Giáp Văn V, sinh ngày 29/6/2007 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề góp cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Anh Giáp Văn A có quyền thăm nom con, chăm sóc, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác*: Anh Giáp Văn A và chị Vũ Thị T đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Giáp Văn A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Giáp Văn A, chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 11, 13, 85, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Quan hệ hôn nhân*: Xử không công nhận vợ chồng giữa anh Giáp Văn A và chị Vũ Thị T.

2. *Con chung*: Giao chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con Giáp Văn V, sinh ngày 29/6/2007. Sau khi ly hôn anh Giáp Văn A có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Anh Giáp Văn A phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0004740 ngày 14/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Giới – Nguyễn Thị Yến

Đặng Canh Định

